

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.
 - + Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
 - + Tên viết tắt: QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2024.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 5.055.181.368.829 đồng, bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0203)3657539; Số fax: (0203)3657540.
- Website: <http://www.quangninhhtpc.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án;

- + Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm: (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN); (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV); (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA); (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX); (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

- + Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMD Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau: (i) Đồng ý đầu tư NMD Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW; (ii) Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.
- + Ngày 19/05/2004, khởi công san nền NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 31/10/2005, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 02/04/2006, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 16/11/2006, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh 2;
- + Ngày 28/05/2007, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh 2;
- + Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMD Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011;
- + Ngày 02/6/2010, TM2 NMD Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011;
- + Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMD Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMD Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014;
- + Ngày 09/9/2013, TM4 NMD Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014;

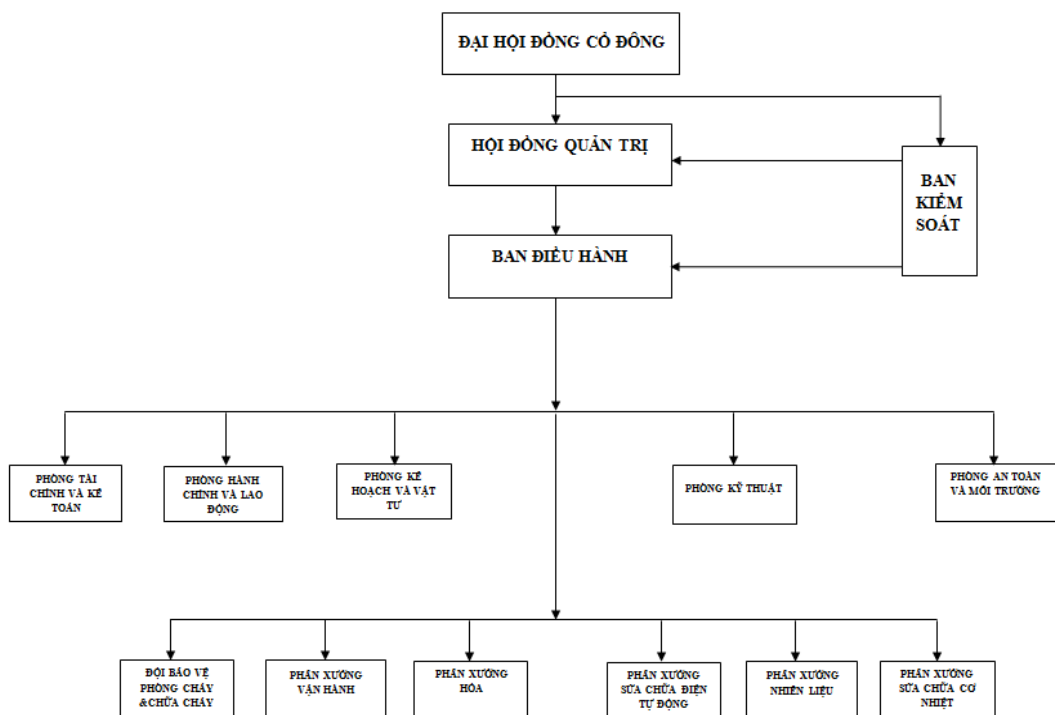
- + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMĐ Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMĐ Quảng Ninh và NMĐ Quảng Ninh 2 với EVN;
- + Ngày 10/01/2022, Công ty có Quyết định số 19/QĐ-NĐQN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh.
- + Ngày 06/06/2024, Công ty được Cục Điều tiết điện lực cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 113/GP-ĐTĐL cho giai đoạn từ ngày 18/6/2024 đến ngày 17/6/2034.
- + Ngày 03/12/2024, Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 517/GPMT-BTNMT cho giai đoạn từ ngày 03/12/2024 đến ngày 02/12/2031.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh điện.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế - môi trường. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện (PPA);
 - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý;
 - + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia, đặc biệt kế hoạch vận hành mùa khô hàng năm. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ;
 - + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty;
 - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm và kế hoạch trung hạn; đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông;
 - + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng, củng cố nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị; giảm dần suất hao nhiệt;
 - + Tập trung thực hiện các đề án, dự án liên quan nhằm đảm bảo các thông số môi trường; Nghiên cứu chuyển đổi nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất.
 - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - + Tiếp tục thực hiện công tác xử lý, tiêu thụ tro bay với các đơn vị bao tiêu xử lý, góp phần giảm thiểu lượng tro xỉ thải lên bãi thải xỉ của Nhà máy cũng như tăng doanh thu cho Công ty;
 - + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh;

- + Thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm hướng tới đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024;
- + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- + Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.

5. Các rủi ro

- Nhà máy tiếp tục phải vận hành chủ yếu với chủng loại than pha trộn nhập khẩu gây bất lợi cho các thông số vận hành của Nhà máy và hiệu quả trong SXKD;
- Độ tin cậy, ổn định, khả dụng trong vận hành của các Tổ máy vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, do chất lượng hệ thống thiết bị không cao, suy giảm theo thời gian vận hành, mặc dù được quan tâm củng cố, cải thiện;
- Diễn biến thời tiết cực đoan, mưa lũ xuất hiện nhiều và từ sớm, tác động lớn đến kế hoạch vận hành phát điện cao điểm mùa khô; bão số 3 năm 2024 (bão Yagi) gây thiệt hại nặng nề cho Công ty (lần đầu tiên kể từ khi vận hành, Nhà máy phải ngừng cả 04 tổ máy và ảnh hưởng đến tiến độ công tác SCL tổ máy số 3);
- Bên cạnh đó là sự thay đổi, biến động nhân sự quản lý Công ty và sự thay đổi liên tục của các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,46 tỷ kWh, đạt 96,2% so với kế hoạch năm và bằng 95,4% so với thực hiện năm 2023;
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,79 tỷ kWh, đạt 96,6% so với kế hoạch năm và bằng 95,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023;
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

1	Lợi nhuận theo kế hoạch (sau thuế TNDN)	499,50	Tỷ đồng
2	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN)	619,26	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024	179,18	Tỷ đồng

Công ty có lợi nhuận SXKD (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN) đạt 619,26 tỷ đồng, cao hơn 119,76 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

a)	Ông Ngô Sinh Nghĩa	
*	Chức vụ hiện tại:	- Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc (đến hết ngày 30/4/2024)
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	02/12/1978
*	Nơi sinh:	Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	719/5, Tổ 70, khu 5, Lán Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0912571155
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022078000653 cấp ngày 05/12/2018
*	Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điều khiển tự động
*	Quá trình công tác:	
	Từ 08/2002 - 12/2003:	Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 01/2004 - 02/2007:	Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 03/2007 - 10/2009:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2009 - 12/2010:	Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/2011 - 14/9/2011:	Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/9/2011 - 09/2013:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 10/2013 - 10/2014:	Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2014 - 14/6/2016:	Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/6/2016 - 21/6/2018:	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 22/6/2018 - 15/6/2020:	Phó Tổng giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Tổng giám đốc - Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/6/2020 - 30/4/2024:	Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 47.248.456 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 (tương đương 25%). Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
b)	Ông Nguyễn Việt Dũng	
*	Chức vụ hiện tại:	- Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc (đến ngày 30/4/2024) - Quyền Tổng giám đốc (từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/9/2024) - Tổng giám đốc (từ ngày 01/10/2024)
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	04/01/1968
*	Nơi sinh:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Điện thoại:	0944042068
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	027068003910 cấp ngày 12/4/2022
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư công nghệ chế tạo máy - Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
*	Quá trình công tác:	
	Từ 04/1988 - 12/2002:	Công nhân thợ lắp máy Công ty cổ phần Lilama 69-1
	Từ 01/2003 - 05/2007:	Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 69-1
	Từ 06/2007- 12/2007:	Đội phó đội lắp máy, Công ty cổ phần Lilama 69-1;
	Từ 01/2008 - 08/2009:	Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 09/2009 - 08/2010:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 09/2010 - 07/2012:	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Uông Bí;
	Từ 08/2012 - 31/01/2013:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí;
	Từ 01/02/2013 - 15/4/2016:	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1;
	Từ 16/4/2016 - 15/9/2019:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí (kiêm Trưởng phòng KHVT đến tháng 6/2017);
	Từ 16/9/2019 - 28/02/2020:	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1;
	Từ 01/3/2020 - 30/4/2024:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
	Từ 01/5/2024 - 30/9/2024:	Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
	Từ 01/10/2024 đến nay:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 37.798.765 cổ phần của Tổng

		công ty Phát điện 1 (tương đương 20%). Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
c)	Ông Lê Việt Cường	
*	Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	01/11/1979
*	Nơi sinh:	Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
*	Địa chỉ thường trú:	SN 07, Ngõ 45, Trung Nhị, Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0913370971
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022079013516 cấp ngày 24/3/2022 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
*	Trình độ chuyên môn:	- Kỹ sư Công nghệ nhiệt - Cử nhân quản trị kinh doanh
*	Quá trình công tác:	
	Từ 02/2004 - 11/2014:	Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 12/2014 - 19/3/2015:	Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/03/2015 - 06/09/2015:	Phó Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 07/09/2015 - 06/09/2019:	Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/03/2017 - 15/11/2017:	Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 - 24/3/2019:	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ ngày 25/3/2019 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
d)	Ông Trần Vũ Linh	
*	Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng
*	Giới tính:	Nam

*	Ngày tháng năm sinh:	02/10/1985
*	Nơi sinh:	Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
*	Địa chỉ thường trú:	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
*	Điện thoại	0946751188
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022085005722 cấp ngày 10/10/2019 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản lý kinh tế - Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
*	Quá trình công tác:	
	Từ 12/2007 - 19/3/2015:	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/3/2015 - 24/4/2016:	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 25/4/2016 - 02/2017:	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/3/2017 - 15/11/2017:	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Theo Nghị quyết số 86/NQ-NĐQN ngày 25/4/2024 của HĐQT:

- Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đối với ông Ngô Sinh Nghĩa để chuyển công tác theo Quyết định điều động và bổ nhiệm của Tổng công ty Phát điện 1, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.
- Giao ông Nguyễn Việt Dũng, Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ quyền Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 cho đến khi Công ty bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

+ Theo Quyết định số 2169/NQ-NĐQN ngày 30/9/2024 của HĐQT:

- Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Việt Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, kể từ ngày 01

tháng 10 năm 2024. Thời gian giữ chức vụ bổ nhiệm là 05 (năm) năm.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 828 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.379.930	7.422.915	0,6
Doanh thu thuần (mã số 10)	12.058.194	11.908.408	-1,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số 30)	648.536	690.710	6,5
Lợi nhuận khác (mã số 40)	-4.140	- 2.205	-46,7
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)	644.396	688.506	6,8
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)	611.901	619.256	1,2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2023	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):	2,12	2,03
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn):	1,73	1,63
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,28	0,32
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,39	0,47
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)	20,16	13,80
+ Vòng quay tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	1,56	1,61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,07	5,20
+ hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,56	12,25
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	8,29	8,34
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,38	5,80

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a) Cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 27/12/2024

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Cổ đông trong nước	5.576	446.086.760	99,130
1.	Tổ chức	35	407.436.574	90,541
2.	Cá nhân	5.541	38.650.186	8,589
II.	Cổ đông nước ngoài	33	3.913.240	0,870
1.	Tổ chức	9	3.771.240	0,838
2.	Cá nhân	24	142.000	0,032
	Tổng cộng:	5.609	450.000.000	100,000

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2024, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty đang thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo kiểm kê khí thải nhà kính của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh số 52/2024/HĐ-DV ngày 24/4/2024 với Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch (CECP).
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị tư vấn (lập và thẩm tra) cập nhật quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024) để thực hiện các bước thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Tổng lượng than đốt là 3.686.996,62 tấn.
- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 8.729.100 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.

- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 8,97% (tương đương 669.296.604 kWh).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiếp tục thực hiện chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy/thực hành chương trình tiết kiệm điện tại nơi làm việc của EVN và thực hiện định kỳ kiểm toán năng lượng TM theo quy định của Bộ Công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Thực hành chương trình tiết kiệm điện trong EVN.
- Tiếp tục chuyển đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTĐ Quảng Ninh 2021-2025/Song song kiểm điểm rút kinh nghiệm, cập nhật sửa đổi nội dung đề án cho phù hợp với quá trình thực hiện.
- Áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyển đổi số trong năm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.
- Kết quả:
 - + Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện bình quân năm 2024 (8,97%), thấp hơn định mức PPA và thực hiện bình quân năm 2023 (9,16%);
 - + Suất hao nhiệt thực hiện bình quân năm 2024 (11.189,18 kJ/kWh), mặc dù còn cao hơn định mức PPA (10.505,1 kJ/kWh), tuy nhiên đã thấp hơn thực hiện bình quân năm 2023 (11.290,69 kJ/kWh);
 - + Suất tiêu hao dầu FO thực hiện bình quân năm 2024 (1,28 g/kWh), thấp hơn định mức PPA và thực hiện bình quân năm 2023 (1,42 g/kWh);

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm là 1.971.466 m³.
- Nước tuần hoàn: Lượng nước sử dụng trong năm là 1.178.723.536 m³ được lấy từ sông Diễn Vọng.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống thải xỉ, tổng lượng nước tái chế là 72.144 m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2024 là 828 người.
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2024 là 28,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động/công cụ dụng cụ cho công nhân/người lao động theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng, bổ sung/thay thế máy tính ...và tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động.
- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật, tổ chức hoạt động tháng Công nhân, bữa cơm Công đoàn, tổ chức Hội nghị NLD các cấp năm 2024, và đặc biệt quan tâm hỗ trợ người lao động/hỗ trợ điện, nước sinh hoạt tại khu QLVHSC trong cơn bão số 3.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát

hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí.

- Tổ chức thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm cũng như chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị trong ngành theo các chuyên đề, vị trí công việc.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Triển khai vận động quyên góp ủng hộ Quỹ tương trợ xã hội năm 2024 trong toàn thể CBCNV, NLĐ Công ty và trích nộp về Quỹ tương trợ xã hội Tổng công ty Phát điện 1.
- Triển khai vận động quyên góp ủng hộ khắc phục bão số 3 và đã chuyển về Công đoàn Tổng công ty Phát điện 1.
- Quan tâm hỗ trợ, từ thiện tại địa phương nơi Công ty đóng chân các hoạt động như: Tết sum vầy; Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hạ Long; Hỗ trợ cho Chương trình “Chợ Tết Công đoàn” của LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; Hỗ trợ Hội người mù Tỉnh Quảng Ninh; Quỹ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ninh; Ủng hộ kinh phí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hạ Long và hỗ trợ làm sân bóng đá cho trẻ em trên địa bàn phường Hà Khánh; Ủng hộ kinh phí hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên và hỗ trợ cải thiện chất lượng nhà ở cho các hộ nghèo theo tiêu chí mới của tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Ủng hộ Quỹ Người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Quảng Ninh; Hỗ trợ kinh phí làm đường cho Làng Khánh, ủng hộ Trung tâm công tác xã hội Hải Hà, phường Việt Hưng; Hỗ trợ hoàn cảnh cháu Trần Việt Cường - Sinh 05/7/2018; Hỗ trợ sửa nhà cho hộ nghèo phường Việt Hưng; Hộ trợ tổ chức đón tết trung thu 2024, hỗ trợ tổ chức 20/10 cho các tập thể trên địa bàn

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2024

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2024	TH năm 2024	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tỷ kWh	7,76	7,46	96,1
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tỷ kWh	7,03	6,79	96,6
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.317,67	11.918,75	96,8
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	11.762,67	11.230,25	95,5
7	Tổng lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	555,00	688,51	124,1
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	499,50	619,26	124,0
9	Cổ tức	Tỷ đồng	450,00		

Với không ít khó khăn thách thức trong năm 2024; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm. Để có được kết quả này, Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Đề ra các kế hoạch, mục tiêu hoạt động ngay từ đầu năm. Chủ động thực hiện các giải pháp thực hiện kế hoạch phát điện mùa khô.
- Thực hiện các giải pháp để tiến hành công tác sửa chữa lớn TM3; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMD Quảng Ninh 2021-2025/Song song kiểm điểm rút kinh nghiệm, cập nhật sửa đổi nội dung đề án cho phù hợp với quá trình thực hiện.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động.
- Chủ động và linh hoạt trong tham gia Thị trường điện phát điện cạnh tranh.
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2023	2024	% biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.944.391	4.549.973	15,4
Tiền và tương đương tiền	157.680	35.536	-77,5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.500	521.500	34.666,7
Phải thu khách hàng	2.979.072	2.952.467	-0,9
Trả trước cho người bán	667	667	0,0
Các khoản phải thu khác	193.244	197.741	2,3
Dự phòng phải thu khó đòi	(189.319)	(189.319)	0,0
Hàng tồn kho	724.105	882.093	21,8
Tài sản lưu động khác	77.442	149.288	92,8
TÀI SẢN DÀI HẠN	3.435.539	2.872.942	-16,4
Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	3.366.815	2.811.018	-16,5
Đầu tư tài chính dài hạn			
XDCB dở dang	6.023	5.522	-8,3
Tài sản dài hạn khác	62.701	56.401	-10,0
TỔNG TÀI SẢN	7.379.930	7.422.915	0,6

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 7.422.915 triệu đồng, tăng 0,6% so với thời điểm 31/12/2023.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là 4.549.973 triệu đồng, tăng 15,4% so với thời điểm ngày 31/12/2023, chủ yếu do khoản mục Đầu tư tài chính ngắn hạn, Hàng tồn kho, Tài sản lưu động khác tăng.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2023	2024	% biến động
NỢ PHẢI TRẢ	2.087.469	2.367.734	13,4
Nợ ngắn hạn	1.864.719	2.244.984	20,4
Phải trả người bán	1.158.677	1.434.710	23,8
Người mua trả tiền trước	1.000		-100,0
Vay và nợ ngắn hạn	98.485	75.000	-23,8
Thuế phải nộp	7.941	20.825	162,2
Phải trả người lao động	150.587	149.697	-0,6
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.892	1.011	-46,6
Các khoản phải trả khác	342.509	459.621	34,2
Dự phòng phải trả ngắn hạn			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	103.627	104.120	0,5
Nợ dài hạn	222.750	122.750	-44,9
Vay và nợ dài hạn	217.750	117.750	-45,9

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2024 của Công ty tăng 13,4% tương đương 280.265 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2023, trong đó khoản mục nợ ngắn hạn tăng 20,4% (chủ yếu do công nợ phải trả nhà cung cấp và khoản phải trả liên quan đến tạm ứng cổ tức năm 2024 tăng) và khoản mục nợ dài hạn giảm 44,9% do dư nợ vay dài hạn giảm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024, Quyết định của Chủ sở hữu vốn; rà soát điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch bổ sung các vị trí cán bộ quản lý; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ quản lý tại một số đơn vị; triển khai đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy tại đơn vị.

Công ty tiếp tục cập nhật các thông tin bổ sung/số hóa các quy chế quản lý nội bộ; thực hiện công tác kiểm tra giám sát nội bộ và quản trị rủi ro.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; từng bước thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn.

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra.

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững.

Tiếp tục áp dụng các ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và sản xuất.

Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo liên quan đến các dự án về môi trường và các giải pháp nhằm đảm bảo lưu lượng và nhiệt độ nước làm mát đầu vào/ra của Nhà máy.

Duy trì phối hợp với chính quyền địa phương, Tổng công ty Phát điện 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Trong năm, Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.
- Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật.
- Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2024, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể đã hỗ trợ tại địa phương/đơn vị trong ngành các hoạt động như: Tết sum vầy; Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hạ Long; Hỗ trợ cho Chương trình “Chợ Tết Công đoàn” của LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; Hỗ trợ Hội người mù Tỉnh Quảng Ninh; Quỹ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ninh; Ủng hộ kinh phí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hạ Long và hỗ trợ làm sân bóng đá cho trẻ em trên địa bàn phường Hà Khánh; Ủng hộ kinh phí hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên và hỗ trợ cải thiện chất lượng nhà ở cho các hộ nghèo theo

tiêu chí mới của tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Ủng hộ Quỹ Người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Quảng Ninh; Hỗ trợ kinh phí làm đường cho Làng Khánh, ủng hộ Trung tâm công tác xã hội Hải Hà, phường Việt Hưng; Hỗ trợ hoàn cảnh cháu Trần Việt Cường - Sinh 05/7/2018; Hỗ trợ sửa nhà cho hộ nghèo phường Việt Hưng; Hộ trợ tổ chức đón tết trung thu 2024, hỗ trợ tổ chức 20/10 cho các tập thể trên địa bàn

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản xuất kinh doanh:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,46 tỷ kWh, đạt 96,2% so với kế hoạch năm và bằng 95,4% so với năm thực hiện năm 2023.
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,79 tỷ kWh, đạt 96,6% so với kế hoạch năm và bằng 95,6% so với năm thực hiện cùng kỳ năm 2023;
 - + Công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM3 cơ bản hoàn thành. Quá trình thi công đảm bảo chất lượng vận hành thiết bị TM, công tác an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường được đảm bảo.
- Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.
- Về công tác tài chính: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD.
- Về việc quyết toán các dự án hoàn thành:
 - + NMD Quảng Ninh 2: Hiện đang được các cấp thẩm quyền thẩm tra hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và linh hoạt trong thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn trong năm, đặc biệt vận hành an toàn các TM phục vụ phát điện mùa khô năm 2024. Kết thúc năm 2024, mục tiêu lợi nhuận SXKD của Công ty đạt vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực thi cơ chế thưởng phạt rõ ràng, công khai, góp phần nâng cao ý

thức trách nhiệm và phấn đấu trong từng CBCNV nâng cao năng suất lao động.

- Các hoạt động nghiên cứu sáng kiến, cải tiến; ứng dụng chuyển đổi số, số hóa được lan tỏa, tạo không khí thi đua trong từng đơn vị, từng vị trí lao động góp phần chủ động, linh hoạt trong công việc.

3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

- Trên cơ sở Nghị quyết số 98/NQ-NĐQN ngày 27/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; HĐQT đã ban hành Quyết định 966/QĐ-NĐQN ngày 27/4/2024 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 của Công ty.
- HĐQT tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành trong các hoạt động/định hướng của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và phân cấp của HĐQT, song song duy trì công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần với Ban điều hành cũng như làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14,7%
2.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	+ Thành viên HĐQT + Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) (đến hết ngày 30/4/2024); + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5%
3.	Ông Nguyễn Việt Dũng	+ Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc (đến ngày 30/4/2024); Quyền Tổng giám đốc (từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/9/2024); Tổng giám đốc (từ ngày 01/10/2024) Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,4%
4.	Ông Phan Duy An	+ Thành viên HĐQT + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,4%
5.	Ông Nguyễn Quang Huy	+ Thành viên HĐQT

		+ Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4%
6.	Ông Đoàn Xuân Hiệu	+ Thành viên HĐQT (đến ngày 03/10/2024) + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%
	Bà Trần Thị Kim Chi	+ Thành viên HĐQT (từ ngày 03/10/2024) + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%
7.	Ông Trần Đức Hùng	+ Thành viên HĐQT + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp (vào các ngày 16/01/2024; 08/03/2024; 29/3/2024; 11/6/2024; 06/9/2024; 10/12/2024), các thành viên HĐQT đương nhiệm tại thời điểm tổ chức đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và đã ban hành các Nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-NĐQN	03/01/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
2	02/NQ-NĐQN	19/01/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
3	03/NQ-NĐQN	19/01/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
4	04/NQ-NĐQN	24/01/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
5	05/NQ-NĐQN	25/01/2024	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương phân phối tiền lương cho người lao động Công ty
6	06/NQ-NĐQN	26/01/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
7	07/NQ-NĐQN	01/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
8	08/NQ-NĐQN	01/02/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
9	09/NQ-NĐQN	05/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
10	10/NQ-NĐQN	07/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
11	11/NQ-NĐQN	15/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
12	12/NQ-NĐQN	16/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
13	13/NQ-NĐQN	16/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
14	14/NQ-NĐQN	19/02/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
15	15/NQ-NĐQN	20/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
16	16/NQ-NĐQN	20/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
17	17/NQ-NĐQN	21/02/2024	Nghị quyết về phê duyệt chủ trương tạm phê duyệt quyết toán tiền lương năm 2023
18	18/NQ-NĐQN	21/02/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
19	19/NQ-NĐQN	21/02/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 1 năm 2024
20	20/NQ-NĐQN	23/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
21	21/NQ-NĐQN	23/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
22	22/NQ-NĐQN	23/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
23	23/NQ-NĐQN	27/02/2024	Nghị quyết về vay vốn lưu động phục vụ SXKD

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
24	24/NQ-NĐQN	27/02/2024	Nghị quyết chủ trương thanh quyết toán dự án QN2
25	25/NQ-NĐQN	27/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
26	26/NQ-NĐQN	29/02/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
27	27/NQ-NĐQN	29/02/2024	Nghị quyết về bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc
28	28/NQ-NĐQN	29/02/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
29	29/NQ-NĐQN	29/02/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
30	30/NQ-NĐQN	29/02/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
31	31/NQ-NĐQN	3/4/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
32	32/NQ-NĐQN	04/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
33	33/NQ-NĐQN	08/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
34	34/NQ-NĐQN	08/03/2024	Nghị quyết về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
35	35/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
36	36/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
37	37/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
38	38/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
39	39/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
40	40/NQ-NĐQN	11/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
41	41/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
42	42/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
43	43/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
44	44/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
45	45/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
46	46/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
47	47/NQ-NĐQN	12/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
48	48/NQ-NĐQN	13/03/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 2 năm 2024
49	49/NQ-NĐQN	14/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
50	50/NQ-NĐQN	14/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
51	51/NQ-NĐQN	14/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
52	52/NQ-NĐQN	20/03/2024	Nghị quyết về phê duyệt quyết toán tiền lương
53	53/NQ-NĐQN	22/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
54	54/NQ-NĐQN	25/03/2024	Nghị quyết về phê duyệt bổ sung kế hoạch SCL
55	55/NQ-NĐQN	26/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
56	56/NQ-NĐQN	26/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
57	57/NQ-NĐQN	26/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
58	58/NQ-NĐQN	26/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
59	59/NQ-NĐQN	26/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
60	60/NQ-NĐQN	27/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
61	61/NQ-NĐQN	27/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
62	62/NQ-NĐQN	27/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
63	63/NQ-NĐQN	27/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
64	64/NQ-NĐQN	27/03/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
65	65/NQ-NĐQN	01/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
66	66/NQ-NĐQN	01/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
67	67/NQ-NĐQN	03/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
68	68/NQ-NĐQN	04/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
69	69/NQ-NĐQN	05/04/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 3 năm 2024
70	70/NQ-NĐQN	05/04/2024	Nghị quyết về phương án SXKD năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
71	71/NQ-NĐQN	08/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
72	72/NQ-NĐQN	08/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
73	73/NQ-NĐQN	08/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
74	74/NQ-NĐQN	08/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
75	75/NQ-NĐQN	12/04/2024	Nghị quyết về thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
76	76/NQ-NĐQN	12/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
77	77/NQ-NĐQN	12/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
78	78/NQ-NĐQN	12/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
79	79/NQ-NĐQN	12/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
80	80/NQ-NĐQN	15/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
81	81/NQ-NĐQN	15/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
82	82/NQ-NĐQN	19/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
83	83/NQ-NĐQN	19/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
84	84/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
85	85/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
86	86/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về miễn nhiệm TGD và giao Q.TGD
87	87/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
88	88/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
89	89/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
90	90/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
91	91/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
92	92/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
93	93/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
94	94/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
95	95/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
96	96/NQ-NĐQN	25/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
97	97NQ-NĐQN	27/04/2024	Nghị quyết về tiêu thụ tro bay
98	98/NQ-NĐQN	27/04/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
99	99/NQ-NĐQN	27/04/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
100	100/NQ-NĐQN	27/04/2024	Nghị quyết về công tác ĐTXD
101	101/NQ-NĐQN	27/04/2024	Nghị quyết về công tác ĐTXD
102	102/NQ-NĐQN	07/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
103	103/NQ-NĐQN	09/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
104	104/NQ-NĐQN	13/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
105	105/NQ-NĐQN	13/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
106	106/NQ-NĐQN	13/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
107	107/NQ-NĐQN	13/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
108	108/NQ-NĐQN	16/05/2024	Nghị quyết về việc điều chỉnh danh mục SCL năm 2022
109	109/NQ-NĐQN	16/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
110	110/NQ-NĐQN	22/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
111	111/NQ-NĐQN	23/05/2024	Nghị quyết về chủ trương kiện toàn nhân sự TGD
112	112/NQ-NĐQN	27/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
113	113/NQ-NĐQN	28/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
114	114/NQ-NĐQN	28/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
115	115/NQ-NĐQN	28/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
116	116/NQ-NĐQN	28/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
117	117/NQ-NĐQN	28/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
118	118/NQ-NĐQN	29/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
119	119/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
120	120/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
121	121/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
122	122/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
123	123/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
124	124/NQ-NĐQN	30/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
125	125/NQ-NĐQN	31/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
126	126/NQ-NĐQN	31/05/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
127	127/NQ-NĐQN	04/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
128	128/NQ-NĐQN	07/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
129	129/NQ-NĐQN	07/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
130	130/NQ-NĐQN	07/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
131	131/NQ-NĐQN	07/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
132	132/NQ-NĐQN	14/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
133	133/NQ-NĐQN	14/06/2024	Nghị quyết về công tác cán bộ quản lý
134	134/NQ-NĐQN	17/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
135	135/NQ-NĐQN	17/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
136	136/NQ-NĐQN	17/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
137	137/NQ-NĐQN	20/06/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 4 năm 2024
138	138/NQ-NĐQN	20/06/2024	Nghị quyết về phê duyệt Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
139	139/NQ-NĐQN	20/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
140	140/NQ-NĐQN	20/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
141	141/NQ-NĐQN	21/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
142	142/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
143	143/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
144	144/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
145	145/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về tách giấy chứng nhận cổ phần
146	146/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
147	147/NQ-NĐQN	25/06/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
148	148/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
149	149/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
150	150/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
151	151/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
152	152/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
153	153/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
154	154/NQ-NĐQN	2/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
155	155/NQ-NĐQN	8/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
156	156/NQ-NĐQN	10/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
157	157/NQ-NĐQN	15/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
158	158/NQ-NĐQN	17/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
159	159/NQ-NĐQN	22/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
160	160/NQ-NĐQN	24/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
161	161/NQ-NĐQN	24/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
162	162/NQ-NĐQN	24/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
163	163/NQ-NĐQN	24/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
164	164/NQ-NĐQN	25/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
165	165/NQ-NĐQN	30/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
166	166/NQ-NĐQN	31/7/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
167	167/NQ-NĐQN	31/7/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
168	168/NQ-NĐQN	31/7/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
169	169/NQ-NĐQN	5/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
170	170/NQ-NĐQN	7/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
171	171/NQ-NĐQN	7/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
172	172/NQ-NĐQN	7/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
173	173/NQ-NĐQN	8/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
174	174/NQ-NĐQN	8/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
175	175/NQ-NĐQN	8/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
176	176/NQ-NĐQN	19/8/2024	Nghị quyết về thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường
177	177/NQ-NĐQN	20/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
178	178/NQ-NĐQN	20/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
179	179/NQ-NĐQN	21/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
180	180/NQ-NĐQN	21/8/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
181	181/NQ-NĐQN	22/8/2024	Nghị quyết về thông qua chi trả cổ tức phần còn lại năm 2023 bằng tiền
182	182/NQ-NĐQN	26/08/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
183	183/NQ-NĐQN	26/08/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
184	184/NQ-NĐQN	26/08/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
185	185/NQ-NĐQN	30/08/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
186	186/NQ-NĐQN	15/9/2024	Nghị quyết về công tác tiêu thụ xỉ
187	187/NQ-NĐQN	18/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
188	188/NQ-NĐQN	18/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
189	189/NQ-NĐQN	23/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
190	190/NQ-NĐQN	23/9/2024	Nghị quyết về công tác khắc phục thiệt hại cơn bão số 3
191	191/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
192	192/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
193	193/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
194	194/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 5 năm 2024
195	195/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về thông qua chủ trương đàm phán ký HĐ mua bán than
196	196/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về bổ nhiệm TGD
197	197/NQ-NĐQN	30/9/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
198	198/NQ-NĐQN	03/10/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
199	199/NQ-NĐQN	23/10/2024	Nghị quyết về công tác bổ nhiệm lại cán bộ
200	200/NQ-NĐQN	23/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
201	201/NQ-NĐQN	23/10/2024	Nghị quyết về tạm giao nhân sự kiêm nhiệm Người phụ trách quản trị và Thư ký HĐQT
202	202/NQ-NĐQN	28/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
203	203/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
204	204/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác vay vốn lưu động
205	205/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
206	206/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
207	207/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
208	208/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
209	209/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
210	210/NQ-NĐQN	30/10/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
211	211/NQ-NĐQN	31/10/2024	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay
212	212/NQ-NĐQN	01/11/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
213	213/NQ-NĐQN	04/11/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
214	214/NQ-NĐQN	06/11/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
215	215/NQ-NĐQN	06/11/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
216	216/NQ-NĐQN	15/11/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
217	217/NQ-NĐQN	21/11/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
218	218/NQ-NĐQN	21/11/2024	Nghị quyết về phê duyệt bổ nhiệm cán bộ quản lý
219	219/NQ-NĐQN	2/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
220	220/NQ-NĐQN	2/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
221	221/NQ-NĐQN	5/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
222	222/NQ-NĐQN	10/12/2024	Nghị quyết về thông qua tạm ứng cô tức năm 2024 bằng tiền
223	223/NQ-NĐQN	11/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
224	224/NQ-NĐQN	11/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
225	225/NQ-NĐQN	11/12/2024	Nghị quyết về Hợp đồng mua bán than
226	226/NQ-NĐQN	16/12/2024	Nghị quyết về Khoản chi tính chất phúc lợi
227	227/NQ-NĐQN	16/12/2024	Nghị quyết về phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD năm 2025
228	228/NQ-NĐQN	16/12/2024	Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch SCL năm 2025
229	229/NQ-NĐQN	16/12/2024	Nghị quyết về phê duyệt quyết toán SCL hoàn thành năm 2021
230	230/NQ-NĐQN	19/12/2024	Nghị quyết về giá bán than cho sản xuất điện
231	231/NQ-NĐQN	19/12/2024	Nghị quyết về cước vận chuyển than với TKV
232	232/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
233	233/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
234	234/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
235	235/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
236	236/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết về Quy chế quản lý nội bộ
237	237/NQ-NĐQN	25/12/2024	Nghị quyết Phiên họp thứ 6 năm 2024
238	238/NQ-NĐQN	26/12/2024	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1.	Ông Nguyễn Hữu Thành	+ Trưởng BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
2.	Ông Dương Đình Hòa	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
3.	Bà Tăng Minh Hằng	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
4.	Ông Nguyễn Hải Đăng	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
5.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2024 Ban Kiểm soát tổ chức kiểm soát kỳ 1 (từ ngày 12/8-16/8/2024), kỳ 2 (từ ngày 16/12-20/12/2024).
- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, công tác tiếp nhận, tiêu thụ, thanh toán tiền mua than, dầu, tro bay khô, xỉ, công tác LCNT và hoạt động kinh doanh năm 2024.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2024:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	922.341.000	VND
2.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	384.773.000	VND
3.	Ông Nguyễn Việt Dũng	810.560.000	VND
4.	Ông Lê Việt Cường	786.894.000	VND
5.	Ông Nguyễn Quang Huy	135.600.000	VND
6.	Ông Trần Đức Hùng	135.600.000	VND
7.	Ông Đoàn Xuân Hiệu Bà Trần Thị Kim Chi	135.600.000	VND
8.	Ông Phan Duy An	135.600.000	VND
9.	Ông Nguyễn Hữu Thành	141.492.000	VND
10.	Ông Dương Đình Hòa	678.024.000	VND
11.	Ông Nguyễn Hải Đăng	135.600.000	VND
12.	Bà Tăng Minh Hằng	135.600.000	VND
13.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	135.600.000	VND

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2024:
 - + Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:
 - Mua điện: 23,95 tỷ đồng;

- Công ty Mua bán điện: Doanh thu bán điện: 11.883,80 tỷ đồng.
- Chi phí dịch vụ: Công ty Truyền tải Điện 1: 3,24 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc: 0,46 tỷ đồng; Công ty viễn thông điện lực và công nghệ thông tin: 0,59 tỷ đồng; Tổng công ty Phát điện 1: 0,23 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>
(bộ phận IT - P. KT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Dũng